

Bình Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2023

Số: 27/2023/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sơn Mút

2. Ông Lương Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Võ Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Khanh – Kiểm sát viên.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 83/2021/TLST- DS ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc **“Tranh chấp quyền sử dụng đất”**.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1940. Địa chỉ: Tổ A, khóm B, phường C, thị xã D, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H1 có anh Nguyễn Tô N1, sinh năm: 1994. Địa chỉ: Ấp Đ, xã E, huyện F, tỉnh Hậu Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 23/03/2022) – Có mặt

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn K1, sinh năm: 1955 – Vắng mặt

2.2. Bà Lê Thị Đ1, sinh năm: 1962 – Có mặt

Cùng nơi cư trú: Tổ K, ấp H, xã G, thị xã D, tỉnh Vĩnh Long;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị Đ2, sinh năm: 1949 (Vợ ông H1) – Có đơn xin vắng mặt ngày 03/02/2021

3.2. Ông Nguyễn Hữu Đ3, sinh năm: 1970 – Có mặt

3.3. Chị Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm: 1981 (Con ông H1) – Có đơn xin vắng mặt ngày 03/02/2021

3.4. Anh Nguyễn Hữu H2, sinh năm: 1986 (Con ông H1) – Có đơn xin vắng mặt ngày 03/02/2021

3.5. Anh Nguyễn Hữu P1, sinh năm: 1990 (Con ông H1) – Có đơn xin vắng mặt ngày 03/02/2021

3.6. Chị Trương Thị T2, sinh năm: 1979 (Con dâu ông H1)– Có đơn xin vắng mặt ngày 03/02/2021

3.7. Chị Nguyễn Thị Huỳnh N2, sinh năm: 1999 (Cháu ông H1) – Có đơn xin vắng mặt ngày 03/02/2021

3.8. Chị Nguyễn Thị Tố N3, sinh năm: 2003 (Cháu ông H1) – Có đơn xin vắng mặt ngày 03/02/2021

3.9. Em Nguyễn Đăng K2, sinh năm: 2014 (Cháu ông H1) – Có đơn xin vắng mặt ngày 03/02/2021

Cùng địa chỉ: Tổ A, khóm B, phường C, thị xã D, tỉnh Vĩnh Long.

3.10. Anh Lê Duy P2, sinh năm: 1988. Nơi cư trú: Tổ K, ấp H, xã G, thị xã D, tỉnh Vĩnh Long – Có mặt

3.11. Chị Lê Thị Thủy T3, sinh năm: 1996. Nơi cư trú: Tổ K, ấp H, xã G, thị xã D, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Thủy T3 có chị Lê Ngọc H3, sinh năm: 1986. Địa chỉ: ấp K, xã H, thị xã D, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày

16/10/2021)– Có mặt

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ông Lê Văn K1 và bà Lê Thị Đ1 đồng ý trả lại cho ông Nguyễn Văn H1 phần đất tại thửa tách 294-1, có diện tích thực tế là: $43,6m^2$ (từ cột mốc 1,2,5,6) có chiều ngang cặp đường đal là: 8,42m, chiều ngang vô cặp chiết thửa 294-2 là: 10,82m; chiều dài vô cặp thửa số 19 của ông Lê Văn K1 là 8,07m, chiều vô cặp thửa số 28 của ông Lê Văn K1 là: 5,43m, loại đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc tại ấp K, xã H, thị xã D, tỉnh Vĩnh Long, do ông Nguyễn Văn H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Trích kèm theo trích bản đồ địa chính khu đất)

2. Cây trồng trên đất: Tại thửa tách 294-1 gồm: 01 cây mù u: 02 năm tuổi; 04 bụi chuối do ông Lê Văn K1 và bà Lê Thị Đ1 trồng. Nay ông Lê Văn K1 và bà Lê Thị Đ1 đồng ý tiếp tục giao cho ông Nguyễn Văn H1 được quản lý và sử dụng 01 cây mù u và 04 bụi chuối;

3. Ông Nguyễn Văn H1 đồng ý hỗ trợ cho ông Lê Văn K1 và bà Lê Thị Đ1 số tiền là: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí đo đạc, khảo sát:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn H1 nộp tiền: 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do ông Nguyễn Văn H1 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên ông Nguyễn Văn H1 không nộp án phí.

+ Ông Lê Văn K1 và bà Lê Thị Đ1 nộp tiền: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do ông Lê Văn K1 và bà Lê Thị Đ1 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên ông ông Lê Văn K1 và bà Lê Thị Đ1 không nộp án phí.

4.2. Về chi phí đo đạc, khảo sát: Ông Nguyễn Văn H1 tự nguyện chịu chi phí đo đạc, khảo sát số tiền là: 5.000.000đồng (Năm triệu đồng). Ông Nguyễn Văn H1 đã nộp xong.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX. Bình Minh;
- Chi cục THADS TXBM;
- đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Tuyết Sương